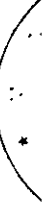


**CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



U  
\* M.S.U.N

**CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

18 Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	13 - 66

AI  
DA  
VIỆ

1001  
CÔ  
ACH N  
DEI  
VIỆ  
NG Đ

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

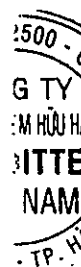
Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

Ông Trần Sỹ Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Thành viên
Ông Phạm Xuân Cảnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2018)
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019)

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2018)
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018)
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2018)



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**TẬP ĐOÀN  
DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

**Nguyễn Vũ Trường Sơn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2019 *Uau*

101  
H.N.T.T  
M.S.D.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 5 năm 2019, từ trang 06 đến trang 66 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại các Thuyết minh số 5, 9, 16 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - SBIC), Công ty đang tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án và khoản đầu tư vào các công ty con được bàn giao từ SBIC với giá trị tương ứng là 667.522.477.931 đồng và 0 đồng theo giá trị tại thời điểm bàn giao ngày 01 tháng 7 năm 2010 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 667.522.477.931 đồng và 0 đồng); đồng thời ghi nhận phải trả SBIC với số tiền tương ứng trên tài khoản phải trả ngắn hạn khác. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC liên quan đến việc bàn giao các dự án/công ty trên là 720.296.809.687 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 720.296.809.687 đồng) và phản ánh trên khoản mục phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán. Tại ngày báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản nhận bàn giao từ SBIC cũng như số tiền Công ty phải thanh toán cho SBIC. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề nói trên, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", công ty con của Công ty) với tỷ lệ là 52% và giá gốc khoản đầu tư là 3,9 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Nhà nước một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác dầu khí ("PVEP", công ty con của Công ty) với tỷ lệ là 100% và giá gốc khoản đầu tư là 59,7 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính riêng đến các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận chủ trương giao cho Công ty tiếp nhận và duy trì hoạt động dầu khí của Lô 01/97&02/97 và Lô 01&02 do các Hợp đồng dầu khí cũ đã hết hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong thời gian chờ chuyển giao cho đơn vị tiếp nhận, Công ty thực hiện ứng vốn đồng thời ủy quyền cho PVEP tạm thời điều hành hoạt động dầu khí tại các Lô này. Chi phí trong giai đoạn chuyển giao này sau đó sẽ được đơn vị tiếp nhận hoàn trả cho Công ty. Theo đó, các khoản ứng vốn được theo dõi lũy kế trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác; đồng thời, toàn bộ các khoản thu và chi liên quan đến hoạt động dầu khí tại các Lô dầu khí này được phản ánh trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác. Tại ngày báo cáo tài chính riêng, Công ty đang đệ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt Cơ chế điều hành các Lô dầu khí nói trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 và 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, một số khoản vay dài hạn ký giữa Công ty và các ngân hàng đã được bàn giao cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau. Gốc và lãi vay tương ứng của các khoản vay này chỉ được phản ánh tại báo cáo tài chính của các công ty tiếp nhận nói trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 5, 9 và 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ("PVPower"), Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn ("BSR") và Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên ("PVOil") đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đang trong quá trình quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Công ty tạm thời phản ánh các xử lý tài chính tương ứng trên các khoản mục Đầu tư vào công ty con, Phải thu ngắn hạn khác và Vốn khác của chủ sở hữu.

VI  
IN  
VHI  
L  
ET  
DA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại các Thuyết minh số 9 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đã bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho PV Power trong năm 2015. Ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tiếp nhận lại Sân phân phối 500kV này để chuyển giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán đối với dự án hoàn thành theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Đồng thời, các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng chưa hoàn thành. Theo đó, giá trị bàn giao của các tài sản, công nợ và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên có thể thay đổi khi dự án được quyết toán và bàn giao chính thức.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Trần Huy Công**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 5 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Bùi Thị Thu Hương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1688-2018-001-1

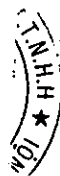
00-  
TY  
HỮU  
TTE  
NAM  
TP. H

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>189.932.827.611.849</b>	<b>153.574.194.515.617</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.979.195.179.338</b>	<b>15.919.765.675.660</b>
1. Tiền	111		3.631.724.179.338	1.480.062.947.882
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.347.471.000.000	14.439.702.727.778
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>114.521.170.024.169</b>	<b>84.922.343.967.053</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		114.521.170.024.169	84.922.343.967.053
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.852.257.854.245</b>	<b>51.500.624.524.853</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.258.668.316.597	5.361.646.783.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.161.380.815.264	5.520.872.084.006
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	383.681.222.595	1.051.899.268.641
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	41.361.690.085.872	41.747.771.013.343
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10a	(2.336.168.594.704)	(2.203.916.479.282)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	23.006.008.621	22.351.854.497
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>120.838.096.440</b>	<b>60.608.350.822</b>
1. Hàng tồn kho	141		134.756.052.395	60.608.350.822
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.917.955.955)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.459.366.457.657</b>	<b>1.170.851.997.229</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		166.725.988.103	144.688.767.788
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		893.795.068.022	1.024.338.707.951
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	2.398.845.401.532	1.824.521.490



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>305.229.749.382.005</b>	<b>302.728.764.247.629</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>21.687.437.628.178</b>	<b>24.503.641.055.375</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	259.752.527.999	288.613.920.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	13.397.407.205.354	13.140.385.874.714
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	8.030.277.894.825	11.074.641.260.661
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.294.022.858.237</b>	<b>2.517.056.257.936</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.131.176.306.137	2.337.632.258.899
- Nguyên giá	222		4.154.191.079.695	4.159.161.084.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.023.014.773.558)	(1.821.528.825.903)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	162.846.552.100	179.423.999.037
- Nguyên giá	228		319.679.263.815	314.896.315.142
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.832.711.715)	(135.472.316.105)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>514.873.058.201</b>	<b>545.034.084.993</b>
- Nguyên giá	231		845.690.297.228	845.690.297.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(330.817.239.027)	(300.656.212.235)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>72.882.735.026.466</b>	<b>54.776.474.137.877</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	72.882.735.026.466	54.776.474.137.877
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>173.872.267.180.016</b>	<b>184.740.728.489.984</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		156.170.625.620.754	162.945.725.638.689
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.489.101.537.419	26.352.500.871.340
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		424.593.092.059	424.593.092.059
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.212.053.070.216)	(4.982.091.112.104)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.978.413.630.907</b>	<b>35.645.830.221.464</b>
1. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí	261	17	1.457.783.055.579	834.753.066.461
2. Chi phí phát triển mỏ	261	18	4.204.097.765.161	4.204.097.765.161
3. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	28.316.532.810.167	30.606.979.389.842
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>495.162.576.993.854</b>	<b>456.302.958.763.246</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124.069.890.616.787</b>	<b>96.021.533.303.974</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.588.453.204.145</b>	<b>35.190.943.422.746</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	17.462.484.782.861	8.672.218.156.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.193.600.964	11.264.113.187
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	4.759.395.930.292	11.616.831.028.342
4. Phải trả người lao động	314		116.807.903.538	148.636.955.458
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	403.702.529.488	283.625.594.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	17.035.064.279.642	9.867.191.031.920
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	4.585.668.803.066	4.422.897.147.061
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.000.000.000	13.400.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	174.135.374.294	154.879.395.314
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79.481.437.412.642</b>	<b>60.830.589.881.228</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	758.795.767.225	760.370.553.211
2. Phải trả dài hạn khác	337	23	51.407.551.503.966	43.562.905.786.099
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	25.697.516.267.418	14.977.757.764.578
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	27	197.106.893.855	94.690.973.416
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	28	1.420.466.980.178	1.434.864.803.924

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>371.092.686.377.067</b>	<b>360.281.425.459.272</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>370.689.538.591.165</b>	<b>359.832.855.088.631</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		281.500.000.000.000	281.500.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		13.376.350.924.531	9.328.938.142.662
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		1.069.270.115	1.069.270.115
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	2.876.093
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.889.288.269.012	24.381.707.513.590
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		79.692.535.892	2.584.186.421.825
7. Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo	420		422.158.595.866	254.762.093.036
8. Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí	420		23.900.340.325.792	22.298.847.429.915
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.495.205.107.746	19.457.907.779.184
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		12.488.240.487.990	9.450.319.537.410
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.006.964.619.756	10.007.588.241.774
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		25.433.562.211	25.433.562.211
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>403.147.785.902</b>	<b>448.570.370.641</b>
1. Quỹ khác của đơn vị sự nghiệp, tổ chức NCKH tự trang trải kinh phí		30	145.470.901.158	144.524.281.227
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		257.676.884.744	304.046.089.414
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>495.162.576.993.854</b>	<b>456.302.958.763.246</b>

Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ Trường Sơn

Ngày 31 tháng 5 năm 2019

Trưởng ban Tài chính  
Kế toán

Nguyễn Văn Mậu

Người lập biểu

Lương Thị Thúy Hòa

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	37.547.918.759.645	16.525.991.253.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		37.547.918.759.645	16.525.991.253.909
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	33.800.327.598.465	14.933.723.751.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.747.591.161.180	1.592.267.502.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	35.804.728.612.508	41.964.485.569.834
7. Chi phí tài chính	22	35	9.297.808.145.989	4.747.305.380.538
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	7.268.486
8. Chi phí bán hàng	25		19.817.189.776	691.063.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	1.663.955.220.698	1.309.712.836.545
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		28.570.739.217.225	37.499.043.791.494
11. Thu nhập khác	31		240.772.511.356	45.250.116.666
12. Chi phí khác	32		12.252.150.578	8.951.839.824
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	37	228.520.360.778	36.298.276.842
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.799.259.578.003	37.535.342.068.336
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	646.569.506.863	1.270.876.364.525
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	102.415.920.439	(174.533.279.811)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		28.050.274.150.701	36.438.998.983.622

**Tổng Giám đốc**

**Trưởng ban Tài chính  
Kế toán**

**Người lập biểu**



**Nguyễn Vũ Trường Sơn**

**Nguyễn Văn Mậu**

**Lương Thị Thúy Hòa**

Ngày 31 tháng 5 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>28.799.259.578.003</b>	<b>37.535.342.068.336</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư:	02	3.049.171.132.305	2.648.845.492.686
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		269.901.383.432	241.409.182.123
- Phân bổ chi phí thăm dò, phát triển, khai thác dầu khí		2.779.269.748.873	2.407.436.310.563
Các khoản dự phòng	03	3.376.132.029.489	(117.932.185.554)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	488.279.562.258	11.648.161.027
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(21.102.028.611.347)	(28.969.368.509.494)
Chi phí lãi vay	06	-	7.268.486
Các khoản điều chỉnh khác	07	(6.043.452.590.243)	(4.746.925.181.401)
- (Lãi) tiền dầu Vietsovpetro		(6.143.179.816.329)	(4.953.795.232.137)
- Trích quỹ khoa học công nghệ		99.727.226.086	206.870.050.736
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>8.567.361.100.465</b>	<b>6.361.617.114.086</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.571.176.728.350)	4.389.746.500.805
Thay đổi hàng tồn kho	10	(74.147.701.573)	10.069.415.848
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.701.824.347.465	7.289.175.484.300
Thay đổi chi phí trả trước	12	(13.822.711.163)	141.870.032.650
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(7.268.486)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.081.951.870.733)	(970.606.479.891)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.687.018.444.928	3.887.304.664.447
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.560.141.665.031)	(840.658.822.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.654.963.216.008</b>	<b>20.268.510.641.034</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(23.524.660.740.664)	(24.360.397.660.924)
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.379.731.824.268)	(18.035.560.711.937)
- Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(7.144.928.916.396)	(6.324.836.948.987)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.747.341.313.398	2.991.860.101.763
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.597.213.143.329)	(5.338.380.145.003)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.556.508.587.017	3.209.663.363.913
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.593.439.000)	(1.278.818.567.361)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	12.437.491.602.024	25.607.151.273
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.507.976.338.282	21.368.767.615.703
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.884.149.482.272)</b>	<b>(3.381.698.140.636)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

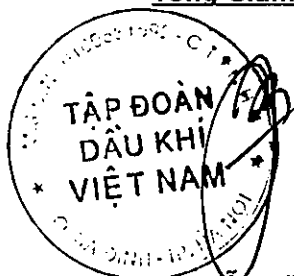
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu:	31	6.169.114.844.472	2.885.753.006.637
- Tiền lãi đầu, khí nước chủ nhà, tiền đọc tài liệu để lại		6.169.114.844.472	2.885.753.006.637
2. Tiền thu từ đi vay	33	15.109.539.009.045	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.592.996.688.722)	(4.611.432.496.707)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.397.041.394.853)	(19.029.079.519.818)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.711.384.230.058)</b>	<b>(20.754.759.009.888)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.059.429.503.678</b>	<b>(3.867.946.509.490)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>15.919.765.675.660</b>	<b>19.787.712.185.150</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>16.979.195.179.338</b>	<b>15.919.765.675.660</b>

Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính  
Kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Trường Sơn

Nguyễn Văn Mậu

Lương Thị Thúy Hòa

Ngày 31 tháng 5 năm 2019